

**DN - BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kì	Số đầu năm 2012
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>20.360.494.084</b>	<b>23.523.806.595</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>3.029.378.343</b>	<b>6.300.479.285</b>
1. Tiền	111	V01	2.029.378.343	3.432.779.285
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.000.000.000	2.867.700.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>750.000.000</b>	<b>750.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V02	750.000.000	750.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		0	0
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>11.106.409.517</b>	<b>12.370.064.286</b>
1. Phải thu khách hàng	131		9.202.810.595	11.570.573.553
2. Trả trước cho người bán	132		1.128.831.546	359.858.791
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		0	0
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		0	0
5. Các khoản phải thu khác	135	V03	774.767.376	439.631.942
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		0	0
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>4.597.855.475</b>	<b>3.691.747.319</b>
1. Hàng tồn kho	141	V04	4.597.855.475	3.691.747.319
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		0	0
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>876.850.749</b>	<b>411.515.705</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		104.454.326	203.154.269
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		330.300.831	0
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V05	75.213.735	5.118.345
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		366.881.857	203.243.091
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.934.474.333</b>	<b>2.283.739.309</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V06		
4. Phải thu dài hạn khác	218	V07		
5. Dự phòng các khoản phải thu dài hạn khó đòi	219			
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>1.655.945.539</b>	<b>1.934.903.712</b>
<b>1. Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>221</b>	<b>V08</b>	<b>1.655.945.539</b>	<b>1.934.903.712</b>
- Nguyên giá	222		4.854.749.856	4.812.777.129
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		-3.198.804.317	-2.877.873.417
<b>2. Tài sản cố định thuê tài chính</b>	<b>224</b>	<b>V09</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	225		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		0	0
<b>3. Tài sản cố định vô hình</b>	<b>227</b>	<b>V10</b>	<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	228		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		0	0
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V11	0	0
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
- Nguyên giá	241		0	0
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		0	0
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		0	0
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		0	0
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V13	0	0
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		0	0
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>278.528.794</b>	<b>348.835.597</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V14	278.528.794	348.835.597
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V21	0	0
3. Tài sản dài hạn khác	268		0	0
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>22.294.968.417</b>	<b>25.807.545.904</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Số cuối kì	Số đầu năm 2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>10.693.609.559</b>	<b>13.814.837.435</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>10.130.831.982</b>	<b>13.252.059.858</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V15	135.000.000	180.000.000
2. Phải trả người bán	312		4.676.520.786	7.957.722.995
3. Người mua trả tiền trước	313		1.333.437.940	439.974.181
4. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V16	1.303.820.080	1.266.717.651
5. Phải trả người lao động	315		885.755.109	1.531.946.616
6. Chi phí phải trả	316	V17	0	2.286.333
7. Phải trả nội bộ	317		0	0
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		0	0
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V18	1.796.298.067	1.873.412.082
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		0	0
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		0	0
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>562.777.577</b>	<b>562.777.577</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		0	0
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V19	0	0
3. Phải trả dài hạn khác	333		0	0
4. Vay và nợ dài hạn	334	V20	542.000.000	542.000.000
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V21	0	0
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		20.777.577	20.777.577
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		0	0
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		0	0
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		0	0
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>11.601.358.858</b>	<b>11.992.708.469</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>11.601.358.858</b>	<b>11.992.708.469</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		0	0
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		0	0
4. Cổ phiếu quỹ	414		0	0
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		0	0
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		0	0
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		527.209.068	527.209.068
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		299.235.338	299.235.338
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		0	0
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		774.914.452	1.166.264.063
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		0	0
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		0	0
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
1. Nguồn kinh phí	432	V22	0	0
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		0	0
<b>C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>0</b>	<b>0</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>22.294.968.417</b>	<b>25.807.545.904</b>
<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG</b>			<b>0</b>	<b>0</b>
1. Tài sản thuê ngoài	01		0	0
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		0	0
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		0	0
4. Nợ khó đòi đã xử lý	04		0	0
5. Ngoại tệ các loại	05		0	0
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	06		0	0

CÔNG TY: CP MĨ THUẬT VÀ TRUYỀN THÔNG  
 Địa chỉ: 187B Giảng Võ - Cát Linh - Đống Đa- Hà Nội  
 Tel: .0.4.35123939 Fax: 0.4.35123838

Báo cáo tài chính  
 Quý 1 năm tài chính 2012

Mẫu số: B02-DN

**DN - BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH - QUÝ 1/2012**

Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Thuyết minh	Quý I/2012	Quý I/2011	Lũy kế năm nay	Lũy kế năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	8.550.235.044	6.131.493.066	8.550.235.044	6.131.493.066
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0	0	0
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>8.550.235.044</b>	<b>6.131.493.066</b>	<b>8.550.235.044</b>	<b>6.131.493.066</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	5.828.449.032	3.877.391.676	5.828.449.032	3.877.391.676
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>2.721.786.012</b>	<b>2.254.101.390</b>	<b>2.721.786.012</b>	<b>2.254.101.390</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	93.836.306	156.397.308	93.836.306	156.397.308
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	28.966.722	116.376.487	28.966.722	116.376.487
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28.966.722	116.376.487	28.966.722	116.376.487
8. Chi phí bán hàng	24		854.823.082	788.309.953	854.823.082	788.309.953
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.230.962.398	957.505.923	1.230.962.398	957.505.923
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh(30=20+(21-22) - (24+25))</b>	<b>30</b>		<b>700.870.116</b>	<b>548.306.335</b>	<b>700.870.116</b>	<b>548.306.335</b>
11. Thu nhập khác	31		12.852.102	3.226.399	12.852.102	3.226.399
12. Chi phí khác	32		2.297.700	0	2.297.700	0
<b>13. Lợi nhuận khác(40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>10.554.402</b>	<b>3.226.399</b>	<b>10.554.402</b>	<b>3.226.399</b>
14. Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		0	0	0	0
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>711.424.518</b>	<b>551.532.734</b>	<b>711.424.518</b>	<b>551.532.734</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	177.856.129	137.801.162	177.856.129	137.801.162
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	0	0	0	0
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp(60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>533.568.389</b>	<b>413.731.572</b>	<b>533.568.389</b>	<b>413.731.572</b>
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61					
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62					
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu(*)	70		534	414	534	414

**DN - BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ - PPTT - QUÝ 1/2012**

Chi tiêu	Mã chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế năm 2012	Lũy kế năm 2011
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		11.705.809.093	9.787.806.912
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		-10.901.129.493	-7.471.551.839
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		-2.440.454.041	-1.532.607.388
4. Tiền chi trả lãi vay	04			-116.376.487
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-277.152.740	-151.671.878
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		727.710.120	621.319.242
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		-3.775.002.187	-2.024.882.162
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>-4.960.219.248</b>	<b>-887.963.600</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		0	0
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-2.900.000.000	0
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		4.767.700.000	0
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		26.336.306	17.797.308
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>1.894.036.306</b>	<b>17.797.308</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp	32		0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		0	812.000.000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-45.000.000	-1.600.000.000
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-159.918.000	-708.253.725
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>-204.918.000</b>	<b>-1.496.253.725</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>-3.271.100.942</b>	<b>-2.366.420.017</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		6.300.479.285	3.415.793.631
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		0	0
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>		<b>3.029.378.343</b>	<b>1.049.373.614</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

#### 1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

##### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Mỹ thuật và Truyền thông được thành lập theo Quyết định số 1064/QĐ – TCNS ngày 13 tháng 9 năm 2007 của Nhà Xuất bản Giáo dục thuộc Bộ Giáo dục Đào tạo. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103019582 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 9 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ nhất ngày 07 tháng 11 năm 2007, lần 2 ngày 29 tháng 7 năm 2010

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: ART DESIGN & COMMUNICATION JOINT STOCK COMPANY, tên viết tắt là: AD&C., JSC.

Vốn điều lệ là 10.000.000.000 đồng. Cổ đông sáng lập:

	<b>Cổ phần</b>	<b>Số tiền (VND)</b>	<b>Tỷ lệ %</b>
Nhà xuất bản Giáo dục Bộ Giáo dục Đào tạo	510.000	5.100.000.000	51.00
Lê Hoàng Hải	10.000	100.000.000	1.00
Trần Tiêu Lâm	10.000	100.000.000	1.00
Các cổ đông khác	470.000	4.700.000.000	47.00
<b>Tổng</b>	<b>1.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>100</b>

Trụ sở chính Công ty tại: Số 187B Giảng Võ, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

##### Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục và các xuất bản phẩm khác;
- Dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục và các dịch vụ liên quan đến ngành in;
- Phát hành sách, tranh - ảnh phục vụ ngành giáo dục và các sản phẩm khác (lich, catalogue) (không bao gồm xuất nhập khẩu);
- Kinh doanh đồ dùng, thiết bị dạy – học;
- Quảng cáo trưng bày, giới thiệu sản phẩm thương mại;
- Tư vấn và thiết kế quảng cáo thương mại;
- Thiết kế trang web, dịch vụ thiết kế nội, ngoại thất và các dịch vụ thiết kế chuyên dụng khác (thời trang, mẫu quần áo, đồng phục học sinh, giấy dếp, thiết kế phối cảnh phim, sân khấu);
- Tổ chức các hoạt động vẽ, sáng tác các tác phẩm nghệ thuật và các hoạt động hội họa khác;
- Mở trường dạy nghề, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên ngành mỹ thuật, thiết kế - đồ họa (chỉ hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Bán buôn nguyên liệu, vật tư phục vụ ngành in ấn, chế bản, mỹ thuật và Truyền thông;
- Dịch vụ ủy thác xuất khẩu;
- Xuất nhập khẩu các nguyên liệu, vật tư các sản phẩm ngành in, chế bản, mỹ thuật và Truyền thông (trừ loại Nhà nước cấm).

Trong năm 2010 cũng như quý I năm 2012, hoạt động kinh doanh chính của Công ty là thiết kế đồ họa các xuất bản phẩm phục vụ ngành giáo dục, dịch vụ chế bản, in các sản phẩm ngành giáo dục, in tem chống giả...

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

#### **2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

##### **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan khác tại Việt Nam.

##### **Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

#### **3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **Chế độ và Chuẩn mực Kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành

##### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Chế độ Kế toán đã được ban hành và có hiệu lực có liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho quý tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2012.

Không có Chuẩn mực Kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong quý I năm 2012.

##### **Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

#### **4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

##### **Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

##### **Tiền và tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

##### **Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### 5. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

##### Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

##### Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>Năm 2012 (Số tháng)</u>
Máy móc, thiết bị	42 tháng
Phương tiện vận tải	36 tháng
Thiết bị văn phòng	18 tháng

##### Các khoản phải trả

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác không chịu lãi và được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu.

##### Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

##### Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

#### **6. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**

##### **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

##### **Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

##### **Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 7. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### 7.1 Tiền

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tiền mặt	202.778.950	511.117.570
Tiền gửi ngân hàng	1.826.599.393	2.921.661.715
<b>Tổng</b>	<b>2.029.378.343</b>	<b>3.432.779.285</b>

#### 7.2 Khoản tương đương tiền Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	750.000.000	750.000.000
Gửi tiết kiệm thời hạn 1 tháng	1.000.000.000	2.867.700.000
<b>Tổng</b>	<b>1.750.000.000</b>	<b>3.617.700.000</b>

#### 7.3 Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tạ Thanh Tùng	28.440.683	90.111.713
Lãi dự thu tiền gửi kỳ hạn dưới 3 tháng	-	29.217.611
Bảo hiểm y tế	55.786.967	55.786.967
Quỹ khen thưởng phúc lợi	449.847.174(*)	230.904.730
Phải thu khác	240.692.552	33.610.921
<b>Tổng</b>	<b>774.767.376</b>	<b>439.631.942</b>

(\*) Quỹ khen thưởng phúc lợi âm do chưa trích từ lợi nhuận sau thuế năm 2012. Ngày 02/4/2012, công ty sẽ tiến hành Đại hội cổ đông thường niên. Các quỹ sẽ được trích lập sau đại hội.

#### 7.4 Hàng tồn kho

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.549.487.650	752.966.992
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	641.619.855	641.619.855
Thành phẩm	1.854.277.209	1.971.830.836
Hàng hoá	552.470.761	325.329.636
<b>Tổng</b>	<b>4.597.855.475</b>	<b>3.691.747.319</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7.5 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng nộp thừa	-	5.118.345
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	75.213.735	-
<b>Tổng</b>	<b>75.213.735</b>	<b>5.118.345</b>

  

7.6 Tài sản ngắn hạn khác	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Tạm ứng	366.881.857	203.243.091
<b>Tổng</b>	<b>366.881.857</b>	<b>203.243.091</b>

  

7.7 Tài sản cố định hữu hình	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng
<b>NGUYỄN GIÁ</b>				
Số dư tại 31/12/2011	3.394.039.871	670.782.563	747.954.695	4.812.777.129
Tăng trong kì	-	-	41.972.727	41.972.727
Mua trong kì	-	-	41.972.727	41.972.727
Giảm trong kì	-	-	-	-
Số dư tại 31/03/2012	3.394.039.871	670.782.563	789.927.422	4.854.749.856
<b>Khấu hao tại 31/12/2011</b>	<b>1.714.010.900</b>	<b>570.630.434</b>	<b>593.192.083</b>	<b>2.877.873.417</b>
Tăng trong kì	224.750.538	55.898.547	40.281.815	320.930.900
Khấu hao trong kì	224.750.538	55.898.547	40.281.815	320.930.900
Giảm trong kì	-	-	-	-
Số dư tại 31/03/2012	1.938.801.438	626.528.981	633.473.898	3.198.804.317
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại 31/12/2011	1.679.988.971	100.152.129	154.762.612	1.934.903.712
Tại 31/03/2012	1.455.238.433	44.253.582	156.453.524	1.655.945.539

  

7.8 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Các loại thuế phải nộp Nhà nước (GTGT+TNDN)	1.303.820.080	1.266.717.651
<b>Tổng</b>	<b>1.303.820.080</b>	<b>1.266.717.651</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### 7.9 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	153.158.019	199.110.01
Bảo hiểm xã hội	25.610.096	19.364.054
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Cổ tức phải trả	-	1.500.000.000
Các khoản phải trả khác	117.529.952	154.938.009
- Quỹ từ thiện NXBGD	6.195.714	6.195.714
- Phải trả khác	111.334.238	148.742.295
<b>Tổng</b>	<b>296.298.067</b>	<b>1.873.412.082</b>

#### 7.10 Vốn chủ sở hữu

##### a. Chi tiết góp vốn chủ sở hữu

	31/03/2012	31/12/2011
	VND	VND
Nhà xuất bản Giáo dục Bộ Giáo dục Đào tạo	5.100.000.000	5.100.000.000
Lê Hoàng Hải	100.000.000	100.000.000
Trần Tiểu Lâm	100.000.000	100.000.000
Các cổ đông khác	4.700.000.000	4.700.000.000
<b>Tổng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

##### Cổ phiếu

	31/03/2012	31/12/2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu lưu hành đầu năm	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	-	-
Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	10.000 đồng	10.000 đồng

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### 7.11 Vốn chủ sở hữu

#### Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư Phát triển	Quỹ Dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư tại 31/12/2011	10.000.000.000	527.209.068	299.235.338	1.166.264.063
Tăng trong kỳ	-	-	-	533.568.389
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	533.568.389
Trích lập các quỹ	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	-
Trả cổ tức	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-
<b>Số dư tại 31/3/2012</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>527.209.068</b>	<b>299.235.338</b>	<b>1.699.832.452</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### 7.12 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011
	VND	VND
Tổng doanh thu	8.550.235.044	6.131.493.066
+ Doanh thu bán sách tham khảo	5.617.425.380	3.888.318.192
+ Doanh thu phim, mỹ thuật, truyền thông	2.932.809.664	2.243.174.874
+ Doanh thu thiết bị		
+ Doanh thu khác		
Các khoản giảm trừ doanh thu		
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>8.550.235.044</b>	<b>6.131.493.066</b>

Doanh thu tăng cao do các nguyên nhân : Quý I năm nay, doanh thu phát hành sách của công ty tăng cao do sản phẩm công ty xuất bản ngày càng chiếm được lòng tin của độc giả trong cả nước. Bên cạnh đó, doanh thu tăng của cửa hàng bán lẻ cũng góp phần đáng kể vào việc tăng doanh thu toàn công ty

#### 7.13 Giá vốn hàng bán

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011
	VND	VND
Giá vốn sách tham khảo	4.475.562.074	2.181.543.678
Giá vốn phim, mỹ thuật, truyền thông	1.352.886.958	1.695.847.998
Giá vốn thiết bị		
Giá vốn hàng hóa khác		
<b>Tổng cộng</b>	<b>5.828.449.032</b>	<b>3.877.391.676</b>

Giá vốn tăng cao tương ứng mức tăng doanh thu. Riêng mảng phim, mỹ thuật và truyền thông, quý I làm nhiều bộ sách lớn (SGK tiếng Anh, sách tái bản), chi phí không tăng cùng tốc độ với doanh thu so với quý I năm 2011.

#### 7.14 Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý I năm 2012	Quý I năm 2011
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	26.336.306	21.397.308
Cổ tức, lợi nhuận được chia	67.500.000	135.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>93.836.306</b>	<b>156.397.308</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### 7.15 Chi phí tài chính

	Quý I năm 2012 VND	Quý I năm 2011 VND
Lãi tiền vay	28.966.722	116.376.487
<b>Tổng cộng</b>	<b>28.966.722</b>	<b>116.376.487</b>

Do vốn điều lệ không tăng trong khi doanh thu và chi phí hoạt động đều tăng lớn. Để đáp ứng được nhu cầu vốn phục vụ sản xuất kinh doanh, công ty đã tiến hành vay ngân hàng để bù đắp phần vốn thiếu trong quý trình sản xuất kinh doanh. Đến quý I năm 2012, toàn bộ các khoản vay ngắn hạn đều đã được tất toán với ngân hàng.

#### 7.16 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý I năm 2012 VND	Quý I năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	533.568.389	413.731.572
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán		
- Các khoản điều chỉnh tăng		
- Các khoản điều chỉnh giảm		
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	533.568.389	413.731.572
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kì	1,000,000	1,000,000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>533</b>	<b>413</b>

#### 7.17. Cổ tức

Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 ngày 26/3/2011 đã thông qua phương án trả cổ tức năm 2010 bằng tiền mặt với tỉ lệ 15% vốn điều lệ (tương ứng 1.500.000.000 đồng). Năm 2012, đại hội cổ đông thường niên được tổ chức vào ngày 02 tháng 4 năm 2012

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

#### 7.18 Các bên liên quan

Tên công ty	Mối quan hệ
Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam	Nhà đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Hà Nội	Nhà đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Nhà đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Nhà đầu tư
Công ty Cổ phần Bản đồ Tranh ảnh Giáo dục	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Nhà Xuất bản Giáo dục tại Thành phố Cần Thơ	Nhà đầu tư
Tạp chí Toán học và Tuổi trẻ	Nhà đầu tư
Tạp chí Văn học và Tuổi trẻ	Nhà đầu tư
Tạp chí Toán tuổi thơ	Nhà đầu tư
Công ty CP in Sách Giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP in Sách Giáo khoa Hòa Phát	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Đại học - Dạy nghề	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Học Liệu	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Học Liệu Giáo dục Hà Nội	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Thiết bị Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Đà Nẵng	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách dịch và Tự điển Giáo dục	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách Dân tộc	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách và TBTH TP. Hồ Chí Minh	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Mỹ thuật Sao Mai	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Công nghệ Văn Lang	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Thiết kế và Phát hành Sách Giáo dục	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Phương Nam	Công ty cùng chung nhà đầu tư
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	Công ty cùng chung nhà đầu tư

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)*

### **8. Số liệu so sánh**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính năm 2011 kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán CPA và báo cáo tài chính quý I năm 2012 kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2012 do công ty tự lập

**Kế toán trưởng**

*Hà Nội, ngày tháng 04 năm 2012*

**Giám đốc**

**Phạm Văn Thắng**

**Lê Hoàng Hải**